

Bản án số:140/2025/DS-PT

Ngày 31 - 3- 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 594/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số:311/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

- Nguyên đơn: Bà Châu Thị D, sinh năm: 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D: Ông Nguyễn Văn N – Là luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Á, sinh năm: 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Bá V; Sinh năm: 1978;

2. Ông Lâm Trường A, sinh năm 1981;

3. Bà Lâm Bạch T2, sinh năm 1981;

4. Ông Lâm Hữu N1, sinh năm 1988;

5. Ông Lâm Hữu N2, sinh năm 1990;

Người đại diện hợp pháp của bà T2, ông N2, ông N1, ông V: Ông Ông Lâm Trường A, sinh năm 1981 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau
Người kháng cáo: Bà Bùi Thị Á, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày:

Vào năm 2004, vợ chồng bà Bùi Thị Á, ông Lâm Quang N3 có cổ cho ông Nguyễn Văn Đ phần đất diện tích là 07 công tầm lớn (tương đương diện tích 9.072m²) tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, với giá là 09 lượng vàng 24k, thời hạn cổ là 03 năm tính từ năm 2004, sau khi cổ thì bên ông Đ đã giao đủ số vàng cổ đất cho vợ chồng bà Á, ông N3.

Đến ngày 25/3/2015, do không có nhu cầu sử dụng đất, nên ông Đ và bà Á thỏa thuận là cổ lại toàn bộ phần đất nêu trên (diện tích 9.072m²) cho bà, các bên có lập giấy tay cầm cổ đất, có bà Á, ông Đ và bà cùng ký tên, giấy cầm cổ đất lập ngày 25/3/2015 do ông Tạ Thanh T, trước đây giữ chức vụ Công an viên ấp H, xã H, thành phố C viết, lập tại nhà ông Lâm Quan Đ1, có xác nhận của trưởng ấp H, xã H, thành phố C là ông Hồ Trung T1, có ông Lâm Quan Đ1 và ông Châu Văn Đ2 ký tên chứng kiến. Tuy nhiên, bản chính giấy cầm cổ đất này hiện nay bị mất nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Theo thỏa thuận thì bà đồng ý nhận cầm cổ phần đất này với giá là 08 lượng vàng 24k, khi ký giấy cầm cổ đất xong bà đã giao đủ 08 lượng vàng cho bên ông Đ, khi giao vàng cho ông Đ không có văn bản thể hiện, ngoài ra, trước đó bà Á còn nợ bà 01 lượng vàng 24k, nên cộng vào vàng cổ đất và nhận nợ thay bà Á 01 lượng vàng với ông Đ (do bà Á trước đây cầm cổ đất cho ông Đ giá 09 lượng vàng 24k) như vậy, tổng số vàng bà Á thống nhất khi chuộc lại đất là phải thanh toán cho bà là 10 lượng vàng 24k. Thời hạn nhận cổ đất giữa bà với bà Á là 03 năm, từ ngày 25 tháng 3 năm 2015. Sau khi các bên ký kết tờ giấy cầm cổ đất nêu trên xong, thì bà Á giao cho bà quản lý, sử dụng phần đất nêu trên.

Tuy nhiên, đến tháng 8/2023 âm lịch, bà Á ngăn cản không cho bà sử dụng đất, sự việc tranh chấp bà yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tại biên bản hòa giải ấp H, xã H, thành phố C, bà Á trình bày không cầm cổ đất cho bà, nên bà khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng cầm cổ quyền sử dụng đất theo giấy cầm cổ đất ngày 25/3/2015 giữa bà với bà Bùi Thị Á đối với phần đất 9.072m² tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Đồng thời, buộc bà Bùi Thị Á cùng các con của bà Á gồm Lâm Bá V, Lâm Trường Á, Lâm Thị Bạch T2, Lâm Hữu N2, Lâm Hữu N1 trả lại cho bà 10 lượng vàng 24k.

Đối với số 01 lượng vàng 24k mà bà còn nợ ông Đ thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, để bà và ông Đại tự thỏa thuận. Đối với số lượng tôm nuôi còn lại sau khi bà Á lấy lại đất số tiền 20.000.000 đồng thì bà không yêu cầu bà Á và các con bà Á bồi thường trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp thì bà khởi kiện vụ án khác.

Bà Bùi Thị Á trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào năm 2004, vợ chồng bà (chồng bà là ông Lâm Quang N3 (chết năm 2011) có cổ cho ông Nguyễn Văn Đ 08 công đất vuông và một đường nước diện tích 240m² với giá là 07 lượng vàng 24k, giao vàng 2 đợt, ông Đ đã giao đủ số vàng trên cho vợ chồng bà, thời gian cổ 03 năm, hết thời hạn 03 năm nếu vợ chồng bà không chuộc đất lại thì ông Đ có quyền sử dụng tiếp tục. Khi nào vợ chồng bà chuộc lại thì chuộc với giá 07 cây vàng 24K. Việc cổ đất có lập giấy cổ mỗi bên giữ 01 bản (bà sẽ cung cấp sau).

Đến năm 2015, ông Đ thỏa thuận với bà là được cổ lại phần đất này cho bà Châu Thị D nhưng bà không đồng ý. Bà nói ông Đ tiếp tục sử dụng đất và không có quyền cổ phần đất này cho người khác nhưng ông Đ năn nỉ bà, cho ông cổ đất cho bà D rồi ông Đ sẽ cho bà 05 chỉ vàng 24k, khi nào bà chuộc lại đất thì chuộc lại vẫn với giá 07 lượng vàng 24k. Thấy vậy, bà mới đồng ý cho ông Đ cổ đất cho bà D.

Vào ngày 25/3/2015, bà D, ông Đ và bà cùng đến nhà ông Lâm Quan Đ1 làm giấy cổ đất và bà D dặn bà đừng cho các con bà biết, cứ đến đó với vai trò là người chứng kiến cho ông Đ cổ đất cho bà D nên bà mới đi. Khi đến nhà ông Đ1 thì Giấy cổ đất đã được viết sẵn, bà D, ông Đ kêu bà ký tên vào giấy thì bà ký chứ không ai đọc lại cho bà nghe. Về phần chữ viết thì bà không rành vì bà chỉ biết đọc, biết viết tên bà thôi chứ những chữ khác thì bà không biết, bà không đọc được nội dung, bà không được giữ tờ giấy cổ đất nào. Bà nghĩ rằng ông Đ chỉ cổ cho bà D 07 lượng vàng 24k. Nay bà D cho rằng cổ 10 lượng vàng 24k thì bà không đồng ý, vì bà D không đưa thêm cho bà 01 lượng vàng như bà D trình bày, bà không nhận thêm 02 lượng vàng 24k từ ông Đ như ông Đ trình bày. Bà xác định giấy cầm cổ đất do nguyên đơn cung cấp không đúng nội dung bà thỏa thuận giữa bà với ông Đ và bà D. Nhưng bà xác định chữ ký tên “ Ánh” và chữ viết họ tên “ Bùi Thị Á” đúng là do bà viết và ký.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà không đồng ý chuộc lại đất với giá 10 lượng vàng, vì bà không cổ đất cho bà D, bà xác định bà cổ đất nêu trên cho ông Đ, nay bà đồng ý chuộc lại đất và trả cho ông Đ 07 lượng vàng 24k, trả hai lần, lần 1 trả 04 lượng vàng 24k, lần 2 trả 03 lượng vàng 24k. Phần đất tranh chấp hiện nay bà đang quản lý, trong thời gian sử dụng đất bà D có nuôi tôm, nhưng hiện nay bà xác định không còn, nên bà không đồng ý bồi thường tôm nuôi cho bà D.

Ông Lâm Trường Á trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của mẹ ông bà Bùi Thị Á, thống nhất chuộc lại đất 07 lượng vàng 24k. Ông yêu cầu phía ông Đ cung cấp giấy cổ số vàng 09 lượng vàng 24k mà bà Á nhận; yêu cầu bà D cung cấp chứng cứ bà Á nhận thêm 01 lượng vàng 24k như bà D và ông Đ trình bày.

Ông Nguyễn Văn Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào năm 2004, vợ chồng bà Á cầm cổ cho ông 0 công và 1/3 công đất tọa lạc ấp H, xã H, thành phố C với giá là 07 lượng vàng 24k, thời gian cổ là 03 năm, đến hạn 03 năm vợ chồng bà Á không chuộc lại nên ông tiếp tục sử dụng đến năm 2015. Khoảng năm 2012, bà Á và ông thỏa thuận ông giao thêm cho bà Á 02 lượng vàng

24k tính vào phần vàng cổ đất tổng cộng là 09 lượng vàng 24k, việc cổ đất nêu trên có lập giấy cổ đất. Đến năm 2015, bà Á không có vàng chuộc lại đất, nên giữa ông với bà D và bà Á thỏa thuận, ông cổ lại cho bà D phần đất nêu trên với giá 10 lượng vàng 24k, bà D giao cho bà Á thêm 01 lượng vàng 24k (là số vàng bà Á nợ bà D trước đó), bà D còn nợ ông 01 lượng vàng 24k, thỏa thuận khi nào bà Á chuộc lại đất thì bà D mới trả cho ông 01 lượng vàng 24k này (đến nay chưa trả). Việc cổ đất qua cho bà D thì bà Á có ký tên, đúng tờ “ Giấy cầm cổ đất” lập ngày 25/3/2015 do bà D cung cấp cho Tòa án.

Việc ông giao thêm cho bà Á 02 lượng vàng 24k thì có văn bản giao nhận nhưng khi lập giấy cầm cổ đất ngày 25/3/2015 thì tại văn bản này có ghi giấy cầm cổ đất này thay thế cho tất cả các giấy tờ liên quan đến 07 công đất này. Tất cả các loại giấy tờ trước đây không còn giá trị, nên hiện nay ông không còn giữ biên nhận nhận 02 lượng vàng 24k này, nên không cung cấp được.

Đối với số 01 lượng vàng 24k mà bà D còn nợ ông thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, để ông và bà D tự thỏa thuận. Ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 311/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Tuyên bố hợp đồng cầm cổ quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích là 07 công tầm lớn (tương đương diện tích 9.072m²) tọa lạc ấp H, xã H, thành phố C là vô hiệu.

Buộc bà Bùi Thị Á, anh Lâm Trường Á, anh Lâm Bá V, chị Lâm Bạch T2, anh Lâm Hữu N1, anh Lâm Hữu N2 hoàn trả cho bà Châu Thị D 10 lượng vàng 24k.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/11/2024, bà Bùi Thị Á kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ đến phiên tòa để xét xử vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thị Á trình bày: Bà thay đổi một phần nội dung kháng cáo, bà thừa nhận có cổ phần đất diện tích là 07 công tầm lớn (tương đương diện tích 9.072m²) tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, cho ông Nguyễn Văn Đ với giá là 10 lượng vàng 24k, bà không đồng ý cổ phần đất trên cho bà Châu Thị D, không có nhận vàng từ bà D nên bà không đồng ý trả số vàng 10 lượng 24k cho bà D, bà yêu cầu Tòa án triệu tập ông Đ về tham gia phiên tòa thì bà đồng ý trả 10 lượng vàng 24k tiền cổ đất cho ông Đ. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thị D.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn trình bày: Không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn Bùi Thị Á, bởi ngày 25/3/2015, bà

Á đồng ý cho ông Đại cố lại quyền sử dụng đất trước đó ông Đ đã cố của bà Á với giá 10 lượng vàng 24k, có thể hiện bằng “Giấy cầm, cố đất” nội dung thể hiện rõ là khi chuộc đất từ bà D thì chuộc với giá 10 lượng vàng 24k, bà Á đã thừa nhận chữ ký, chữ viết của bà trong tờ cố đất này, nên có đủ cơ sở xác định bà D nhận cố đất là 10 lượng vàng 24k. Việc bà Á trình bày nguyên đơn chỉ nhận cố đất cho ông Nguyễn Văn Đ, nên chỉ đồng ý trả 10 lượng vàng 24k cho ông Đ thì bà không đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Á; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Á trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét việc thay đổi nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị Á tại phiên tòa phúc thẩm là chỉ chấp nhận trả số vàng cố đất là 10 lượng vàng 24k cho ông Nguyễn Văn Đ, không chấp nhận trả cho bà Châu Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, nên được xem xét chấp nhận.

[3] Về nội dung kháng cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy cầm cố đất ngày 25/3/2015, có nội dung bà Á cầm cố đất cho bà D phần đất nêu trên với giá 10 lượng vàng 24k, bà Á thừa nhận tại Biên bản hòa giải ngày 07/12/2023 do Tổ hòa giải ấp H, xã H, thành phố C và thừa nhận đúng chữ ký, chữ viết của bà Á trong tờ cầm cố đất, tuy nhiên bà Á cho rằng bà không biết chữ, không nghe đọc nội dung; quá trình giải quyết vụ án ông Đ xác định nội dung sự việc đúng như bà D trình bày và số vàng cố là 10 lượng vàng 24k. Ngoài ra, ông Tạ Thanh T xác định ông là người viết tờ cố đất và số vàng cố là 10 lượng vàng 24k, sau khi lập xong ông có đọc lại cho các bên cùng nghe và cùng ký tên vào tờ cố đất và ông Châu Văn Đ2 xác định số vàng cố đất là 10 lượng vàng 24k. Như vậy, bà Á không đồng ý cố đất cho bà D là không có cơ sở chấp nhận.

Bà Châu Thị D khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích là 07 công tằm lớn (tương đương diện tích 9.072m²) tọa lạc ấp H, xã H, thành phố C là vô hiệu, yêu cầu bà Bùi Thị Á và các con bà Á gồm:

Lâm Bá V, Lâm Trường Á, Lâm Bạch T2, Lâm Hữu N1, Lâm Hữu N2 hoàn trả cho bà D 10 lượng vàng 24k. Xét thấy, tại thời điểm các bên thực hiện giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất với nhau, đối chiếu với quy định của Bộ luật dân sự và Luật đất đai thì không quy định người sử dụng đất được cầm cố quyền sử dụng đất. Do đó, xác định hợp đồng cầm cố trên là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật là có căn cứ.

Hợp đồng vô hiệu thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, do phần đất tranh chấp hiện nay bà Á đã chiếm lại và quản lý, sử dụng nên không xem xét việc nguyên đơn hoàn trả lại cho bị đơn phần đất cổ là phù hợp. Bà Á có nghĩa vụ hoàn trả số vàng cổ đã nhận từ việc cầm cố đất.

[4] Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ đến tham dự phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn Đ đã có trình bày ý kiến, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trong suốt thời gian xét xử vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau đã triệu tập ông Đ đến tham gia phiên toà nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của ông Đ không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ án, nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, buộc bà Á và các con gồm Lâm Trường Á, Lâm Bá V, Lâm Bạch T2, Lâm Hữu N1, Lâm Hữu N2 hoàn trả trả cho bà D 10 lượng vàng 24k là có căn cứ pháp luật, nên kháng cáo của bà Á không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải nộp án phí có giá ngạch theo quy định đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận trên số vàng 10 lượng vàng 24kara (giá 01 chỉ vàng 24k là 7.800.000 đồng tại thời điểm xét xử ngày 13/9/2024) = 780.000.000 đồng và án phí không có giá ngạch về hợp đồng. Bà Á là người trên 60 tuổi nhưng bà Á không có đơn đề nghị miễn nộp, nên phải nộp theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Án phí phúc thẩm bà Bùi Thị Á được miễn do là người cao tuổi.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Á; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 311/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành

phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích là 07 công tằm lớn (tương đương diện tích 9.072m²) tọa lạc ấp H, xã H, thành phố C là vô hiệu.

2. Buộc bà Bùi Thị Á, anh Lâm Trường Á, anh Lâm Bá V, chị Lâm Bạch T2, anh Lâm Hữu N1, anh Lâm Hữu N2 hoàn trả cho bà Châu Thị D 10 lượng vàng 24k.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Á phải nộp 35.200.000 đồng án phí có giá ngạch và 300.000 đồng án phí về hợp đồng, tổng cộng 35.500.000 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền; bà D không phải nộp án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.800.000 đồng theo biên lai thu số 0008615 ngày 03/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Á được miễn do là người cao tuổi.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn A Đam

